

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 231/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020, giữa:

+ *Nguyên đơn*: Chị **Bùi Thị N**, sinh năm 1994.  
Địa chỉ: Phố L, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

+ *Bị đơn*: Anh **Bùi Văn H**, sinh năm 1994.  
Địa chỉ: Phố L, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 10 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Nhung và anh Bùi Văn Hoàn.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn H thuận tình ly hôn nhau.

2.2. *Về con chung*: Chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn H có 02 con chung là Bùi Thế H1, sinh ngày 10/02/2015 và Bùi Thế H2, sinh ngày 10/7/2016. Khi ly hôn, anh Bùi Văn H nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Chị Bùi Thị N nhận nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Bùi Văn H với mức 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng một tháng cho cả hai con chung (mỗi con chung 1.000.000 đồng một tháng), kể từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Bùi Thị N có quyền thăm nom con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3. Về tài sản chung: Không có.

2.4. Về nợ chung: Không có.

2.5. Về án phí: Chị Bùi Thị N nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng và 150.000 đồng án phí dân sự về việc cấp dưỡng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003679 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn; chị Bùi Thị N đã nộp xong các khoản án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Viện KSND huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- UBND TT V - Lạc Sơn - Hòa Bình;
- (Nơi đăng ký kết hôn ngày 18/12/2013)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Phạm Cao Sơn**